

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST

Ngày 27/02/2026

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Kim Phụng;
- Bà Đoàn Sơn Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1987 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Nam H, sinh năm 1982 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 23/9/2013 (Yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Trần Nam H đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới tháng 9/2012, có đăng ký kết hôn ngày 18/02/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ).

Bà và ông H chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong mối quan hệ vợ, chồng thì ông H có tính gia trưởng, ông H có chăm lo cho gia đình nhưng đôi khi xem trọng bạn bè hơn gia đình. Năm 2018 ông H bị bệnh đến năm 2019 thì ông H hết bệnh nhưng tính gia trưởng càng nhiều hơn, không tôn trọng ý kiến của vợ; cuộc sống vợ

chồng ngày càng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng phai nhạt. Giữa năm 2021 bà bỏ về nhà mẹ ruột và sống ly thân với ông H cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ, chồng có liên lạc với nhau nhưng áp lực tinh thần ông H gây cho bà ngày càng lớn; hiện bà M không còn tình cảm với ông H nên xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 23/9/2013 đang sống với bà và Trần Nguyễn Trường P, sinh ngày 26/01/2020 đang sống với ông H. Khi ly hôn bà xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và giao cháu P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Nam H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án. Tuy nhiên ông H có gửi bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại Tòa án. Theo đó, ông H trình bày cuộc sống hôn nhân với bà M cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bà M không biết chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến gia đình chồng; từ năm 2021 vợ, chồng đã sống ly thân cho đến nay; hiện nguyên đơn không còn tình cảm với ông nhưng ông vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng vì con. Vì vậy, qua yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì ông không đồng ý.

Về con chung: ông và nguyên đơn có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 23/9/2013 và Trần Nguyễn Trường P, sinh ngày 26/01/2020. Ông đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Trường P nên khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu P; đối với cháu Nguyễn Quỳnh A thì ông tôn trọng ý kiến của cháu Quỳnh A muốn sống với nguyên đơn; không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, riêng và nợ: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Trần Nguyễn Quỳnh A đã trình bày: Cháu là con chung của bà Nguyễn Thị Xuân M và ông Trần Nam H. Cháu đang học lớp 4, sống cùng nguyên đơn. Nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn cháu không ý kiến; cháu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với nguyên đơn không yêu cầu gì đối với bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn với ông H. Về con chung, giao cháu Quỳnh A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Xuân M xin ly hôn với bị đơn ông Trần Nam H thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của bà M và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn, bị đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình. Năm 2021 vợ, chồng đã sống ly thân cho đến nay, thời gian ly thân khá dài nhưng nguyên đơn, bị đơn không hàn gắn được tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn với bị đơn do mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn tình cảm; bị đơn không đồng ý ly hôn. Nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho bị đơn, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 23/9/2013 và Trần Nguyễn Trường P, sinh ngày 26/01/2020. Từ khi ly thân, cháu Quỳnh A sống với bà M, cháu P sống với ông H. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của cháu Quỳnh A; bị đơn yêu cầu nuôi dưỡng cháu P được bà M đồng ý và ông H không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định pháp luật, nhằm không làm sáo trộn đời sống của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Quỳnh A cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu P cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 54, 56, 69, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Xuân M được ly hôn với ông Trần Nam H.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 23/9/2013 cho bà Nguyễn Thị Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Nguyễn Trường P, sinh ngày 26/01/2020 cho ông Trần Nam H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên đơn, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ:* Đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0013089 ngày 24/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND KV 4- Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía